

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Phân số bằng phân số $\frac{-3}{10}$ là:

- A. $\frac{6}{20}$. B. $\frac{-10}{3}$. C. $\frac{10}{3}$. D. $\frac{-6}{20}$

Câu 2. Dùng hỗn số nào sau đây để biểu thị thời gian của đồng hồ sau?

- A. $5\frac{5}{6}$ giờ. B. $5\frac{1}{6}$ giờ. C. $4\frac{5}{6}$ giờ. D. $4\frac{1}{6}$ giờ

Câu 3: Làm tròn số $a = 131,2956$ đến chữ số thập phân thứ hai ta được số thập phân nào sau đây:

- A. 131,29 B. 131,31 C. 131,30 D. 130

Câu 4. Góc có 2 cạnh MP và MQ là góc nào?

- A. Góc PMQ. B. Góc MPQ. C. Góc PQM. D. Góc MQP.

Câu 5. Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?

- A. 30^0 B. 60^0 . C. 90^0 . D. 180^0 .

Câu 6. Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

- A. 30^0 B. 120^0 C. 90^0 . D. 180^0 .

Câu 7: Góc có số đo bằng 150^0 là

- A. Góc nhọn. B. Góc tù. C. Góc vuông. D. Góc bẹt.

Câu 8: Linh đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị 0C) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau 37 36,9 37,1 36,8 36,9

Linh đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên

- A. Quan sát B. Làm thí nghiệm C. lập phiếu hỏi D. phỏng vấn

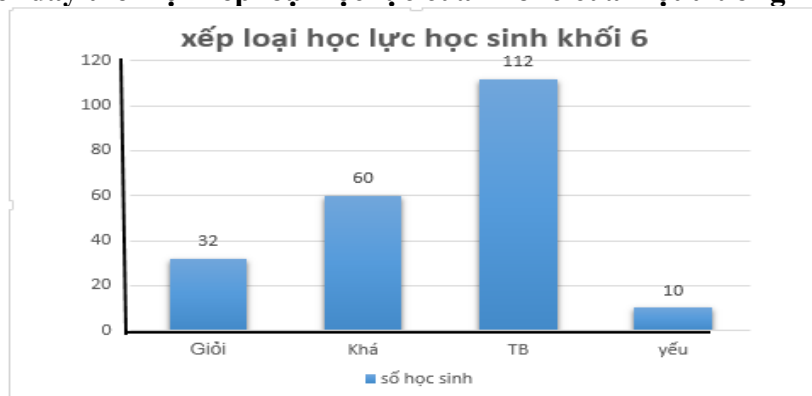
Câu 9: Khi giáo viên yêu cầu chỉ ra các đơn vị đo độ dài. Bạn An đưa ra các đơn vị sau: cm, m, kg, dm, km . Dữ liệu nào không hợp lý?

- A. cm. B. kg. C. dm. D. km.

Câu 10: Để biểu diễn số học sinh trung bình, khá, giỏi của một lớp, để thuận tiện cho việc thống kê và so sánh dữ liệu nên dùng

- A. biểu đồ tranh B. biểu đồ cột C. kiểm đếm D. đáp án khác

Biểu đồ cột dưới đây thể hiện xếp loại học lực của khối 6 của một trường THCS



Câu 11 Dựa vào biểu đồ ta thấy khối 6 có bao nhiêu học sinh giỏi

A. 40

B. 30

C. 32

D. 25

Câu 12 Tổng số học sinh khối 6 là bao nhiêu?

A. 140

B. 144

C. 214

D. 220

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lý nếu có thể):

a) $5,68 - 2,5 + 0,32$. b) $1\frac{13}{15} \cdot 0,75 - \left(\frac{8}{15} + 25\%\right)$ c) $0,75 - \frac{43}{80} : \left(\frac{-4}{5} + 2,5 \cdot \frac{3}{4}\right)$ d) $\frac{5}{9} \cdot \frac{2}{7} + \frac{5}{9} \cdot \frac{5}{7} - \frac{5}{9}$

Bài 2(1 điểm): Tính tỉ số và tỉ số phần trăm của các cặp đại lượng sau (kết quả làm tròn đến hai số thập phân).

a) 1000m và 6km;

d) 24 kg và 3 tạ..

Bài 3 (1 điểm) : Vẽ đường thẳng xy, lấy điểm A thuộc đường thẳng xy, điểm B không thuộc đường thẳng xy. Nối A với B.

a) Kể tên các góc có trong hình vẽ.

b) trong các góc đó hãy chỉ ra góc bẹt.

Bài 4 (1 điểm) : Khi điều tra về số m³ nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình trong xóm người điều tra ghi lại bảng sau

16	18	17	16	17	16	16	18	16	17
16	13	40	17	16	17	17	20	16	16

a) Lập bảng thống kê số m³ nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình.

b) Có bao nhiêu gia đình sử dụng tiết kiệm nước sạch (dưới 15m³/ tháng). Em hãy cho biết lợi ích của việc tiết kiệm nước sạch.

Bài 5 (1,0 điểm) : Trên tia Bx lấy hai điểm A và B sao cho BA=3cm, BC = 4cm

a) Trong ba điểm C,A,B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Tính AC?

b) Trên tia đối của tia Bx lấy điểm O sao cho BO= 4cm. B có phải là trung điểm của OC không? Vì sao?

Bài 6 (1 điểm) :

Kết thúc học kỳ I lớp 7A có số học sinh xếp loại giỏi bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh được xếp loại khá. Đến cuối năm có 7

học sinh vươn lên đạt loại giỏi và 1 học sinh loại giỏi bị chuyển loại xuống khá nên số học sinh giỏi chỉ bằng $\frac{9}{13}$

số học sinh khá. Tính số học sinh lớp 7A biết cả hai học kỳ lớp 7A chỉ có học sinh xếp loại văn hoá Khá và Giỏi.

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:

Giám thị số 1:

Số báo danh:

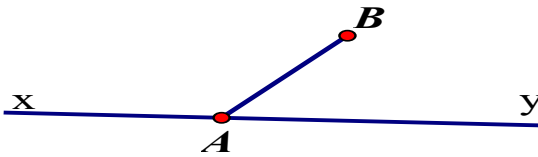
Giám thị số 2:

I. Trắc nghiệm:(3 điểm)

Học sinh chọn đúng mỗi câu được 0.2điểm: $0,25 \times 12 = 3$ điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	C	A	C	C	B	B	B	B	C	C

II.Tự luận (7 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM														
	a) $5,68 - 2,5 + 0,32$.															
	$= 5,68 + 0,32 - 2,5$	0,25														
	$= 6 - 2,5 = 3,5$.	0,25														
	b) $1\frac{13}{15}.0,75 - \left(\frac{8}{15} + 25\%\right)$															
	$= \frac{28}{15}.\frac{3}{4} - \left(\frac{8}{15} + \frac{1}{4}\right) = \frac{7}{5} - \frac{8}{15} - \frac{1}{4} = \frac{7.12 - 8.4 - 1.15}{60} = \frac{37}{60}$	0,5														
	$0,75 - \frac{43}{80} : \left(\frac{-4}{5} + 2,5.\frac{3}{4}\right) = \frac{3}{4} - \frac{43}{80} : \left(\frac{-4}{5} + \frac{5}{2}.\frac{3}{4}\right) = \frac{3}{4} - \frac{43}{80} : \frac{43}{40} = \frac{3}{4} - \frac{1}{2} = \frac{1}{4}$.	0,5														
d) $\frac{5}{9}.\frac{2}{7} + \frac{5}{9}.\frac{5}{7} - \frac{5}{9} = \frac{5}{9}.\left(\frac{2}{7} + \frac{5}{7}\right) - \frac{5}{9} = 0$	0,5															
Bài 2 (1,0 điểm)	a) Đổi $1000\,m = 1\,km$.															
	Tỉ số giữa hai đại lượng là: $\frac{1}{6}$.	0.25														
	Tỉ số phần trăm giữa hai đại lượng là: $\frac{1.100}{6}\% = 16,67\%$.	0.25														
	d) Đổi $3\,tạ = 300\,kg$	0.25														
Tỉ số giữa hai đại lượng là: $\frac{24}{300} = \frac{2}{25}$.	0.25															
Tỉ số phần trăm là: $\frac{2}{25}.100\% = 8\%$.																
Bài 3 (1,0 điểm)																
	a) Các góc có trên hình là góc xAB, góc BAY, góc xAy	0,5														
	b) góc bẹt là góc xAy	0,5														
Bài 4 (1 điểm)	a)Bảng thống kê	0,75														
	<table><tr><td>Số m³ dùng trong một tháng</td><td>13</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>20</td><td>40</td></tr><tr><td>Số hộ gia đình</td><td>1</td><td>9</td><td>6</td><td>2</td><td>1</td><td>1</td></tr></table>	Số m ³ dùng trong một tháng	13	16	17	18	20	40	Số hộ gia đình	1	9	6	2	1	1	
	Số m ³ dùng trong một tháng	13	16	17	18	20	40									
Số hộ gia đình	1	9	6	2	1	1										
b/ - Có 1 hộ gia đình tiết kiệm nước sạch (Dưới 15m ³ /tháng). Lợi ích của việc tiết kiệm nước sạch	0,25															

	tiết kiệm chi tiêu trong gia đình, tiết kiệm nước còn giúp ngăn ngừa cạn kiệt nguồn nước ngầm, ngăn ngừa ô nhiễm nước ở các lưu vực và gián tiếp tiết kiệm điện năng sản xuất ra nước sạch.	
Bài 5 (1,0 điểm)		
	a) Trên tia Bx ta có $BA=3\text{cm}$, $BC=4\text{cm}$ vì $3<4$ nên $BA<BC$, vậy, A nằm giữa B và C. Khi đó ta có : $BA+AC=BC \Rightarrow AC = BC - BA \Rightarrow AC = 4 - 3 \Rightarrow AC = 1$ Vậy, $AC = 1\text{cm}$.	0,25 0,25
	b) ta có O thuộc tia đối của tia Bx, nên O và C nằm khác phía đối với B hay B nằm giữa O và C. .(1) Mà theo đề bài: $BO=BC=4\text{cm}$ (2) Từ (1) và (2), suy ra B là trung điểm của OC	0,25 0,25
Bài 6(1đ)	Số học sinh cả lớp là: $3 + 8 = 11$ (phần)	0,25
	6 học sinh ứng với số phần cả lớp: $\frac{9}{22} - \frac{3}{11} = \frac{3}{22}$ (cả lớp)	0,25
	Số học sinh giỏi kỳ I chiếm $\frac{3}{11}$ học sinh cả lớp Số học sinh giỏi kỳ II chiếm $\frac{9}{22}$ học sinh cả lớp	0,25
	Số học sinh cả lớp là: $6 : \frac{3}{22} = 44$ (học sinh) Vậy số học sinh 7A là 44 bạn.	0,25

- HS làm cách khác đúng cho điểm tối đa.

Xác nhận của BGH

Xác nhận của Tổ nhóm CM

Người ra đề

Vũ Thị Hải

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

Chú ý: Đề thi gồm 03 trang. Học sinh làm bài vào giấy thi

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Làm tròn số 231,6478 đến hàng phần trăm là:

- A. 231, 64. B. 231, 65. C. 23. D. 231, 649.

Câu 2: Đổi phân số $-\frac{15}{2}$ ra hỗn số ta được:

- A. $-4\frac{1}{4}$ B. $-7\frac{1}{2}$ C. $-3\frac{3}{4}$ D. $-2\frac{7}{4}$

Câu 3: Số đối của $-\frac{2}{3}$ là;

- A. $\frac{2}{3}$ B. $-\frac{3}{2}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{3}{2}$

Câu 4. Trong hình vẽ sau, khẳng định sai là:



- A. Hai tia AO và AB trùng nhau; B. Hai tia BO và By đối nhau;
C. Hai tia AO và OB đối nhau; D. Hai tia Ax và Ay đối nhau.

Câu 5. Số đoạn thẳng phân biệt trong hình sau là

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6



Câu 6: Góc có số đo nhỏ hơn 90^0 (lớn hơn 0^0) là:

- A. Góc nhọn B. Góc Vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 7. Góc bẹt là góc :

- A. Nhỏ hơn góc bẹt. B. Nhỏ hơn góc vuông.
C. Có số đo bằng 90^0 D. Có số đo bằng 180^0 .

Câu 8. Trong các phát biểu sau, dữ liệu không phải là số liệu là:

- A. Phương tiện mà giáo viên, học sinh sử dụng để đến trường.
B. Điểm trung bình cuối năm của mỗi môn học;
C. Số học sinh thích ăn gà rán;
D. Số học sinh thích xem phim.

Câu 9: Thống kê món ăn yêu thích của các thành viên trong gia đình. Dữ liệu không hợp lý là:

- A. Gà rán B. Pizza C. Rượu vang D. Bún đậu

Câu 10. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho bởi bảng sau:

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm 9 là:

- A. 1 B. 6 C. 7 D. 12

Câu 11: Một cửa hàng bán ô tô thống kê số ô tô bán được trong 4 quý năm 2022 như sau

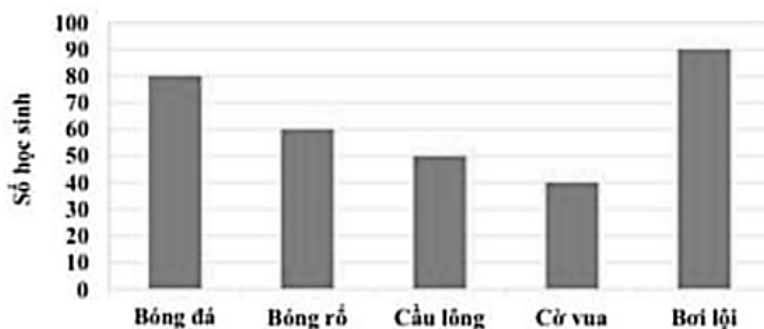
Quý 1	  
Quý 2	   
Quý 3	 
Quý 4	  
 : 10 chiếc xe,  : 5 chiếc xe	

Tổng số xe bán được trong 2 quý đầu năm 2022 là:

- A. 55 B. 65 C. 70 D. 75

Câu 12. Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 ở một trường THCS. Theo em môn thể thao nào được yêu thích nhất?

- A. Bóng đá B. Bóng rổ C. Cầu lông D. Bơi lội



II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $12,75 + 6,4 - 2,75 + 3,6$ b) $\frac{7}{4} + \frac{-6}{7} + 1\frac{1}{4} - \frac{8}{7}$ c) $\frac{15}{19} \cdot \frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \frac{15}{19} + \frac{4}{19}$ d) $15\% \cdot \left(\frac{7}{4} - \frac{3}{2} \right) - \frac{1}{4}$

Bài 2 (1 điểm): Tính tỉ số và tỉ số phần trăm của các cặp đại lượng sau

- a) 550g và 1kg b) 120 dm và 1 km

Bài 3 (1 điểm) : Vẽ 3 điểm A,B,C không thẳng hàng. Vẽ đường thẳng BC. Điểm M khác B,C nằm trên đoạn thẳng BC

- a) Vẽ và kể tên các tia gốc A
b) Kể tên góc bẹt trong hình vẽ

Bài 4(1 điểm) : Số học sinh nữ khối 6 của các lớp trong một trường THCS như sau:

Lớp	D1	D2	D3	D4	D5
Số HS nữ	24	30	24	18	36

- a) Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn bảng thống kê trên?
b) Cho biết lớp nào có nhiều HS nữ nhất, lớp nào ít học sinh nữ nhất.

Bài 5 (1 điểm) Cho đường thẳng xy . Điểm O thuộc đường thẳng xy . Trên tia Oy lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4cm$, $OB = 6cm$.

- a. Tính đoạn thẳng AB .
b. Lấy C điểm thuộc tia Ox sao cho $AC = 8cm$. Chứng tỏ O là trung điểm của AC

Bài 6(1 điểm) . Ba bạn cùng góp một số tiền để mua sách tặng thư viện. Bạn thứ nhất góp được $\frac{1}{5}$ tổng số tiền, bạn thứ hai góp được 60% số tiền còn lại, bạn thứ ba thì góp được 16000 đồng.

Hỏi cả ba bạn góp được bao nhiêu tiền?

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:
Số báo danh:

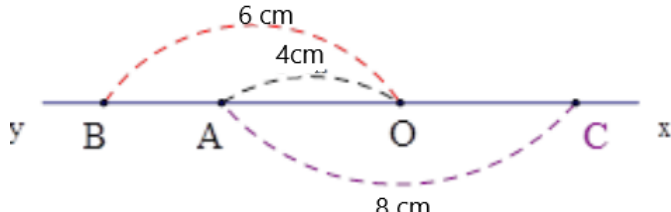
Giám thị số 1:
Giám thị số 2:

I. Trắc nghiệm:(3 điểm)

Học sinh chọn đúng mỗi câu được 0.2điểm: $0,25 \times 12 = 3$ điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	A	C	A	A	D	A	C	B	C	D

II.Tự luận (7 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Bài 1 (2 điểm)	a) $12,75+6,4-2,75+3,6$ $=(12,75-2,75)+(6,4+3,6)$ $=10+10=20$	0,5
	b) $\frac{7}{4}+\frac{-6}{7}+1\frac{1}{4}-\frac{8}{7}=\left(\frac{7}{4}+1\frac{1}{4}\right)+\left(\frac{-6}{7}+\frac{-8}{7}\right)=3+(-2)=1$	0,5
	c) $\frac{15}{19}.\frac{2}{3}+\frac{1}{3}.\frac{15}{19}+\frac{4}{19}=\frac{15}{19}.\left(\frac{2}{3}+\frac{1}{3}\right)+\frac{4}{19}=\frac{15}{19}+\frac{4}{19}=1$	0,5
	d) $15\%.\left(\frac{7}{4}-\frac{3}{2}\right)-\frac{1}{4}=\frac{3}{20}.\frac{1}{4}-\frac{1}{4}=\frac{3}{80}-\frac{20}{80}=\frac{-17}{80}$	0,5
Bài 2 (1,0 điểm)	a) Đổi $1\text{kg}=1000\text{g}$ Tỉ số giữa hai đại lượng là $550:1000=11/20$ Tỉ số phần trăm của hai đại lượng là $:550:1000.100\%=55\%$	0.25 0.25
	b) Đổi $120\text{dm}=12\text{ m}$; $1\text{km}=1000\text{m}$ Tỉ số giữa hai đại lượng là $12:1000=3/250$ Tỉ số phần trăm giữa hai đại lượng là $:12:1000.100\%=1,2\%$	0.25 0.25
	Bài 3 (1,0 điểm) Vẽ đúng 3 điểm phân biệt A,B,C lấy được điểm M (0,2đ) Vẽ đúng các tia gốc A (0,3đ)	0,5
	Gọi tên các tia gốc A (0,3đ) Đọc tên góc bẹt (0,2đ)	0,5
Bài 4 (1 điểm)	a/HS vẽ đúng biểu đồ tranh	0,75
	b/ Lớp D5 nhiều HS nữ nhất, lớp D4 ít học sinh nữ nhất	0,25
Bài 5 (1,0điểm)		
	a) Vì A nằm giữa hai điểm O và B nên $OA+AB=OB$ Hay $AB=OB-OA=6-4=2(\text{cm})$	0,25 0,25

	b) Vì O nằm giữa hai điểm A và C nên $AO + OC = AC$ hay $OC = AC - OA = 8 - 4 = 4(cm)$ $\Rightarrow OA = OC = \frac{AC}{2} (= 4cm)$. Vậy O là trung điểm của AC	0,25 0,25
Bài 6 (1 điểm)	Bạn thứ hai góp được số tiền so với tổng số tiền là: $60\% \cdot (1 - 1/5) = 12/25$ (tổng số tiền)	0,5
	Bạn thứ ba góp được số tiền so với tổng số tiền là: $1 - 1/5 - 12/25 = 8/25$ (tổng số tiền)	0,25
	Tổng số tiền cả ba bạn góp là: $16000 : 8/25 = 50000$ (đồng)	0,25

- HS làm cách khác đúng cho điểm tối đa.

Xác nhận của BGH

Xác nhận của Tổ nhóm CM

Người ra đề

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
Chú ý: Đề thi gồm 03 trang. Học sinh làm bài vào giấy thi

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Làm tròn số 231, 6478 đến chữ số thập phân thứ hai là:

- A. 231, 64. B. 231, 65. C. 23. D. 231, 649.

Câu 2: Đổi phân số $-\frac{15}{4}$ ra hỗn số ta được:

- A. $-4\frac{1}{4}$ B. $-7\frac{1}{2}$ C. $-3\frac{3}{4}$ D. $-2\frac{7}{4}$

Câu 3: Số nghịch đảo của $\frac{-2}{3}$ là;

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{-3}{2}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{3}{2}$

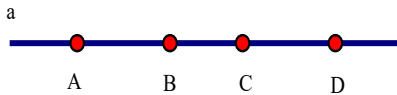
Câu 4. Trong hình vẽ sau, khẳng định **đúng** là:



- A. Hai tia AO và AB đối nhau; B. Hai tia BO và By đối nhau;
C. Hai tia AO và OB đối nhau; D. Hai tia Ax và By đối nhau.

Câu 5. Số đoạn thẳng trong hình sau là

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6



Câu 6: Góc lớn nhất là:

- A. Góc nhọn B. Góc Vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 7. Góc nhọn là góc :

- A. Nhỏ hơn góc bẹt. B. Nhỏ hơn góc vuông.
C. Có số đo bằng 90^0 D. Có số đo bằng 180^0 .

Câu 8. Trong các phát biểu sau, dữ liệu không phải là số liệu là:

- A. Xếp loại thi đua khen thưởng của học sinh cuối năm;
B. Điểm trung bình cuối năm của mỗi môn học;
C. Số học sinh thích ăn gà rán;
D. Số học sinh thích xem phim.

Câu 9: Thống kê số học sinh của mỗi lớp 6 tại một trường THCS. Dữ liệu không hợp lý là:

- A. 42. B. 40. C. 45. D. 65

Câu 10. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho bởi bảng sau:

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm 8, điểm 9 và điểm 10 là:

A. 1; B. 6; C. 7; D. 12.

Câu 11: Cho biểu đồ tranh ở Hình 3:

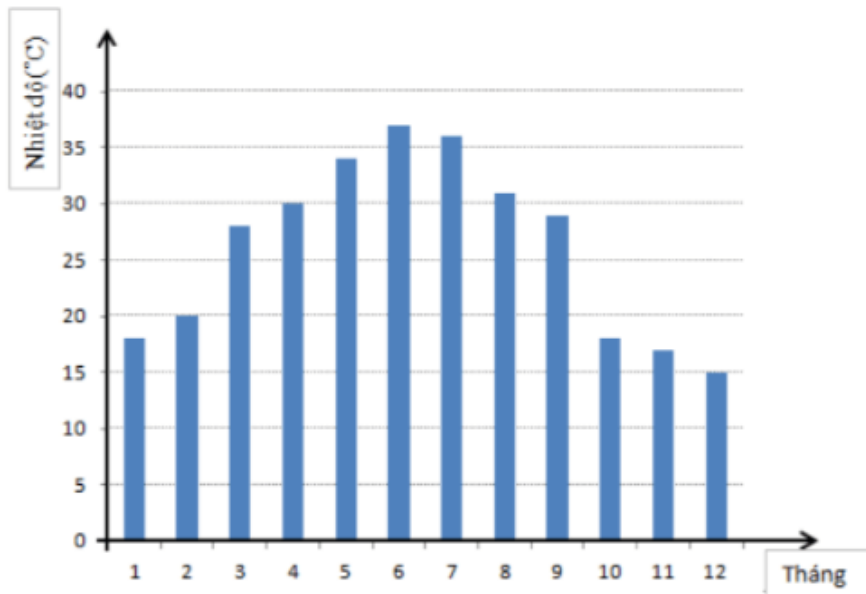


Số học sinh (HS) yêu thích Cam là:

A. 50 HS. B. 55 HS. C. 40 HS. D. 45 HS.

Câu 12. Quan sát biểu đồ nhiệt độ trung bình hàng tháng ở một địa phương trong một năm cho dưới đây .Khoảng thời gian ba tháng nóng nhất trong năm là:

A. Từ tháng 10 đến tháng 12; B. Từ tháng 5 đến tháng 7;
C. Từ tháng 2 đến tháng 4; D. Từ tháng 7 đến tháng 9.



II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lý nếu có thể):

a/ $15,68 - 2,5 + 0,32$. b, $\frac{-2}{3} + \frac{1}{5} + \frac{4}{5} + \frac{-1}{3}$

c, $\frac{15}{4} \cdot \frac{-7}{9} - \frac{2}{9} \cdot \frac{15}{4} + \frac{5}{8}$ d, $6 - 1\frac{5}{7} \cdot \left(-\frac{3}{4}\right)$

Bài 2 (1 điểm): Tính tỉ số và tỉ số phần trăm của các cặp đại lượng sau

a) $16dm$ và $0,4m$ b) $100g$ và $\frac{4}{5}kg$

Bài 3 (1 điểm) : Vẽ ba điểm M, N, P không thẳng hàng.

a/Vẽ hai tia MN và MP

b/Vẽ tia Mx cắt đường thẳng NP tại H nằm giữa N và P

Bài 4(1 điểm) : Số học sinh khối 6 đến thư viện của trường mượn sách vào các ngày trong tuần được thống kê bằng bảng sau:

Ngày	Thứ hai	Thứ ba	Thứ năm	Thứ sáu
Số học sinh	32	16	24	40

a) Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn bằng thống kê trên?

b) Ngày nào có số học sinh đến thư viện nhiều nhất?, ít nhất?

Bài 5 (1 điểm) Cho đường thẳng xy . Điểm O thuộc đường thẳng xy . Trên tia Oy lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3cm$, $OB = 5cm$.

a. Tính đoạn thẳng AB .

b. Lấy C điểm thuộc tia Ox sao cho $AC = 6cm$. Chứng tỏ O là trung điểm của AC

Bài 6(1 điểm) . Một cửa hàng bán một số mét vải trong 3 ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số

mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải. Tính tổng số mét vải của hàng đã bán.

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:

Giám thị số 1:

Số báo danh:

Giám thị số 2:

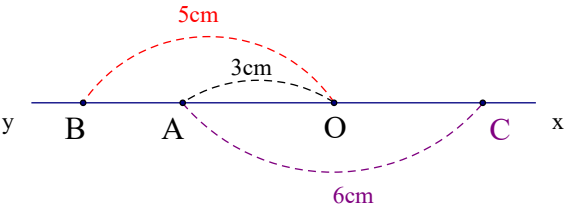
I. Trắc nghiệm:(3 điểm)

Học sinh chọn đúng mỗi câu được 0.2điểm: $0,25 \times 12 = 3$ điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	B	B	D	D	B	A	D	D	D	B

II.Tự luận (7 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
	a) $15,68 - 2,5 + 0,32$.	
	$= 15,68 + 0,32 - 2,5$	0,25
	$= 16 - 2,5 = 13,5$.	0,25
	b. $\frac{-2}{3} + \frac{1}{5} + \frac{4}{5} + \frac{-1}{3} = \left(\frac{-2}{3} + \frac{-1}{3}\right) + \left(\frac{1}{5} + \frac{4}{5}\right)$ $= -1 + 1 = 0$	0,5
	c. $\frac{15}{4} \cdot \frac{-7}{9} - \frac{2}{9} \cdot \frac{15}{4} + \frac{5}{8} = \frac{15}{4} \cdot \left(\frac{-7}{9} - \frac{2}{9}\right) + \frac{5}{8}$ $= \frac{15}{4} \cdot (-1) + \frac{5}{8} = \frac{-15}{4} + \frac{5}{8} = \frac{-25}{8}$	0,5
Bài 2 (1,0 điểm)	d. $6 - 1\frac{5}{7} \cdot \left(-\frac{3}{4}\right) = 6 - \frac{12}{7} \cdot \left(\frac{-3}{4}\right) = 6 - \left(\frac{-9}{7}\right)$ $= 6 + \frac{9}{7} = 6\frac{9}{7}$	0,5
	a) $0,4m = 0,4 \cdot 10dm = 4dm$.	
	Tỉ số của $16dm$ và $0,4m$ là: $\frac{16}{4} = 4$	0.25
	Tỉ số % của $16dm$ và $0,4 m$ là: $4 \cdot 100\% = 400\%$.	0.25
	$\frac{4}{5}kg = \frac{4}{5} \cdot 1000g = 800g$	
	. Tỉ số của hai đại lượng là : $\frac{100}{800} = \frac{1}{8}$	0.25

	Tỉ số % của hai đại lượng là: $\frac{100.100}{800}\% = 12,5\%$	0.25
	a) Vẽ đúng hai tia MN và MP	0,5
	b) Vẽ đúng tia Mx cắt đường thẳng NP tại H nằm giữa N và P	0,5
Bài 4 (1 điểm)	a/HS vẽ đúng biểu đồ tranh	0,75
	b/ Vào thứ sáu học sinh đến thư viện trường mượn sách đọc nhiều nhất, thứ ba học sinh mượn sách ít nhất.	0,25
Bài 5 (1,0 điểm)		
	a) Vì A nằm giữa hai điểm O và B nên $OA + AB = OB$ Hay $AB = OB - OA = 5 - 3 = 2(cm)$	0,25 0,25
	b) Vì O nằm giữa hai điểm A và C nên $AO + OC = AC$ hay $OC = AC - OA = 6 - 3 = 3(cm)$ $\Rightarrow OA = OC = \frac{AC}{2} (= 3cm)$. Vậy O là trung điểm của AC	0,25 0,25
Bài 6(1đ)	Số vải còn lại sau ngày bán thứ nhất bằng: $1 - \frac{3}{5} = \frac{2}{5}$ (tổng số)	0,25
	Số vải bán trong ngày thứ hai bằng : $\frac{2}{5} \cdot \frac{2}{7} = \frac{4}{35}$ (tổng số)	0,25

	Số vải bán trong ngày thứ ba bằng $\frac{2}{5} - \frac{4}{35} = \frac{2}{7}$ (tổng số)	0,25
	$\frac{2}{7}$ tổng số mét vải này chính là 40 m. Vậy tổng số mét vải cửa hàng đã bán là : $40 : \frac{2}{7} = 140$ (m)	0,25

- HS làm cách khác đúng cho điểm tối đa.

Xác nhận của BGH

Xác nhận của Tổ nhóm CM

Người ra đề

Đặng Thị Vân Anh

